TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng

-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 91/ 2019/ TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019, về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện H, tỉnh L

2.Bị đơn: Anh Trần Thanh M, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện H, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Vào năm 2013 qua quen biết chị và anh M tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/5/2013. Sau khi cưới vợ chồng chị sống ở nhà trọ tại thành phố Hồ Chí Minh để đi làm, thỉnh thoảng cũng có về nhà bên chồng, nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh M thường hay uống rượu về nhà hành hung chị, chị đã nhiều lần khuyên anh M nhưng anh hứa mà không thay đổi. Đến năm 2015 do không chịu được nữa nên chị thuê nhà ở riêng nhưng anh M

vẫn hay đến quấy rối chị, làm chị bị mất danh dự và phải đổi chỗ làm, từ năm 2018 anh chị đã ly thân không còn sống chung. Tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Trần Thanh M vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Ý kiến của chị Đ tại phiên tòa: Chị Đ vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh M tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển 01 ngày 22 tháng 5 năm 2013. Do đó hôn nhân của chị Đ và anh M là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Theo chị Đ trình bày trong thời gian chung sống tình cảm của anh chị có những bất đồng không giải quyết được, chị đã khuyên anh M nhiều lần nhưng anh không khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần để tạo điều kiện cho 02 bên được đoàn tụ. Nhưng anh M vắng mặt và cũng không có bản khai ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Đ xem như anh M đã từ bỏ quyền được đoàn tụ với chị Đ.

Xét, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, lo cho hạnh phúc gia đình. Nhưng chị Đ cho rằng khi sống cùng anh M chị không có được điều đó. Do đó việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Buộc chị Đào phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Trần Thanh M.

2. Về con chung: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Đ nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0002163 ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-UBND xã Q-LH -VL
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng